

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS CẢNG ĐÀ NẴNG (DANALOG)

Năm báo cáo: 2010

I. Tình hình và đặc điểm của Công ty

1. Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng tiền thân là Trạm Kho vận Cảng Đà Nẵng (được thành lập từ năm 2006), với nhiệm vụ là đơn vị hậu cần của Cảng Đà Nẵng.

Thực hiện theo chủ trương đổi mới doanh nghiệp nhà nước và kế hoạch phát triển của Lãnh đạo Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng, Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng được thành lập và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400999731, ngày 05/03/2009. Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng, trong đó, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng chiếm 88,11%/ vốn điều lệ.

Sự ra đời của Công ty Logistics cảng Đà Nẵng là hết sức cần thiết. Đầu năm 2009, Việt Nam chính thức mở cửa lĩnh vực Logistics theo cam kết khi tham gia hội nhập quốc tế. Đây chính là thời điểm nhu cầu về dịch vụ logistics phát triển mạnh mẽ. Theo thống kê, hiện nay, dịch vụ Logistics chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng thu nhập GDP của Việt Nam, từ 20 đến 25%.

Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng (Danalog) nằm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trung tâm kinh tế của miền Trung, là nút giao thông quan trọng trong nước và các nước khu vực. Nằm ngay trên tuyến Hành lang Kinh tế Đông Tây và trên đường dẫn vào cảng Tiên Sa, nối liền Quốc lộ 14B. Hệ thống giao thông nối Danalog với cảng Tiên Sa, sân bay quốc tế Đà Nẵng, Quốc lộ 1A, ga đường sắt, các khu công nghiệp đều hoàn chỉnh, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường biển, đường không, đường sắt và cả với hàng hoá siêu trường siêu trọng. Sự ra đời của Công ty cổ phần Logistics cảng Đà Nẵng nhằm tạo nguồn hàng xuất nhập khẩu cho cảng Đà Nẵng, thu hút hàng hóa thị trường trong nước và các tỉnh nam Lào, đông bắc Thái Lan theo tuyến hành lang kinh tế Đông Tây về cảng Đà Nẵng .

Thông tin chung về công ty

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS CẢNG ĐÀ NẴNG**

Tên tiếng Anh : **DA NANG LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **DANALOG**

Logo :



Trụ sở chính : Đường Yết Kiêu – Phường Thọ Quang - Quận Sơn Trà – Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: ++84.0511 2 243 805

Fax: ++84.0511 3 924 111

Website: www.danalog.com.vn

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)

Vốn thực góp đến ngày 20/11/2010 : 29.951.600.000 đồng (Hai mươi chín tỷ chín trăm năm mươi một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400999731 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 05/03/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 12/10/2009.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng tại Điều lệ Công ty và trên Giấy đăng ký kinh doanh số: 0400999731 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư Tp Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 05/03/2009, cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 12/10/2009 là 30.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2010, công ty chưa bán hết số cổ phần dự kiến phát hành. Trong

thời hạn 03 năm (từ 05/03/2009 đến 05/03/2012) Công ty sẽ thực hiện chào bán toàn bộ số cổ phần còn lại, để đủ số vốn điều lệ đã đăng ký.

Ngày 31/07/2010, Công ty thực hiện phát hành riêng lẻ 32.500 cổ phần cho 12 cổ đông là cán bộ công nhân viên. Theo Nghị định 01/2010/ NĐ – CP ngày 04/01/2010, số lượng cổ phần trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm.

Công ty cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng chính thức trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 25/08/2010 theo Quyết định số 2672/UBCK – QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2. Ngành nghề kinh doanh

- ✚ Dịch vụ logistics;
- ✚ Bốc xếp hàng hóa;
- ✚ Kinh doanh, khai thác kho bãi và dịch vụ giao nhận, kho vận;
- ✚ Dịch vụ khai thuế hải quan;
- ✚ Đại lý vận tải nội địa, đại lý Container;
- ✚ Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- ✚ Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ và đường bộ;
- ✚ Kinh doanh xăng dầu;
- ✚ Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Công tác sản xuất kinh doanh và định hướng thị trường:

Như chúng ta đã biết năm 2010 là năm ngành vận tải nói chung gặp nhiều khó khăn, tại thị trường miền Trung kinh tế chậm phát triển, lưu thông hàng hoá kém lại bị cạnh tranh quyết liệt giữa các nhà vận tải. Là công ty hậu cần phục vụ xuất nhập khẩu tại cảng nhưng doanh thu cung cấp cho các nhà xuất nhập khẩu đạt khoảng 30% trên tổng doanh thu công ty. Trong lúc đó, chi phí đầu vào tăng, khấu hao tài sản cố định lớn, vốn kinh doanh thiếu, chi phí lãi vay tăng, doanh thu không đạt kế hoạch, thị trường không mở

rộng, chi phí quản lý doanh nghiệp cao hơn so với năm trước ... đó là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến không đạt chỉ tiêu lợi nhuận mà đại hội đã đề ra.

Dự kiến kế hoạch năm 2011:

Theo phân tích thị trường năm 2011, Công ty Danalog tiếp tục gặp khó khăn trong việc phát triển thị trường vận tải, đặc biệt là xâm nhập thị trường vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu tại Cảng, hoạt động của công ty định hướng vào lĩnh vực logistics còn gặp nhiều khó khăn thách thức, năng lực cạnh tranh của công ty chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Xây dựng chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2011, Công ty tiếp tục củng cố thị trường truyền thống và khai thác thêm thị trường mới cung ứng các dịch vụ vận tải lưu kho, bốc xếp với chất lượng tốt, tiếp tục làm đại lý tàu và khai thác thị trường vận tải bên ngoài.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2011

ĐVT: 1.000 đồng

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2011 |
|-----|------------------|-------------------|
| 01 | Doanh thu | 50.000.000 |
| 02 | Lợi nhuận | 1.800.000 |
| 03 | Cổ tức phân phối | 3,71 % |

2. Công tác quản lý vốn và tài sản:

Vốn chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2010 là 29.951.600.000 đồng (số cổ phần chưa bán có giá trị 48.400.000đồng). Trong năm 2010 Công ty đã khấu hao 3.501.857.381 đồng, công ty dùng khấu hao để trả nợ: 1.352.453.037 đồng.

Năm 2010 công ty vay vốn lưu động phục vụ SXKD là 1.500.000.000 đồng và đã thanh toán dứt điểm trong năm.

Lợi nhuận sau thuế : 1.042.613.819 đồng.

Đầu tư bằng nguồn thuê mua tài chính: 594.000.000 đồng công ty đã thực hiện trả nợ thuê mua tài chính theo đúng hạn.

Kế hoạch năm 2011:

+ Dự kiến vay vốn ngân hàng cho SXKD : 3.000.000.000 đồng.

+ Tháng 03/2011 công ty thuê mua tài chính 10 xe vận tải ben tổng trị giá : 5.300.000.000 đồng, trong đó vốn tự có 35% : 1.680.000.000 đồng.

+ Tích cực thu hồi các khoản nợ, tăng vòng quay vốn kinh doanh, tích cực thu nợ khách hàng.

3. Công tác đầu tư và hiệu quả đầu tư phát triển:

Năm 2010 do thị trường không được mở rộng, lãi vay tăng cao, công ty đã đầu tư 02 rơ moóc trị giá : 594.600.000 đồng hạn mục đầu tư đã được HĐQT phê duyệt. Các hạng mục trước đây : 07 xe ben, 05 xe đầu kéo, 02 xe xúc có doanh thu thấp, hạch toán giá thành hiệu quả không cao.

Dự kiến đầu tư năm 2011:

ĐVT: 1.000 đồng

| STT | Tên phương tiện thiết bị | Số lượng | Giá trị |
|------------|---------------------------------|-----------------|------------------|
| 01 | Xe tải ben | 10 | 5.300.000 |
| 02 | Loại khác | | 3.400.000 |
| | Tổng cộng | | 8.700.000 |

4. Công tác khác:

+ Về nguồn nhân lực: Năm 2010 công ty tuyển dụng thêm 08 nhân viên, tuy nhiên bộ máy quản trị doanh nghiệp còn chậm đổi mới, công tác quản trị nhân sự cần được củng cố, tăng cường nhân lực cho công tác logistics.

Năm 2011 thực hiện giảm biên chế, thu gọn bộ máy gián tiếp với tình hình SXKD hiện tại. Cần tiết kiệm giảm số nhân viên làm việc không hiệu quả.

+ Công tác tiết kiệm : Năm 2011 công ty tiếp tục gặp khó khăn về thị trường, doanh thu thấp ... công tác chi tiêu cần xây dựng định mức, cần hạ thấp chi phí quản lý công ty, thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu ngay cả chi phí tiền lương cũng phải dựa trên hiệu quả công việc.

+ Công tác ban hành các quy chế quản trị : HĐQT đã có các quy chế về quản trị công ty, quy chế HĐQT, quy chế Ban kiểm soát dự kiến trình đại hội thông qua.

+ Công tác đổi mới doanh nghiệp năm 2010, công ty Danalog trở thành công ty đại chúng phần đầu năm 2011 chuyển công ty lên sàn Upcom.

5. Định hướng phát triển công ty từ năm 2011 – 2015:

Công ty Danalog với vị trí địa lý thuận lợi, mặt bằng kho bãi được xây dựng hoàn chỉnh, Danalog phải trở thành khu kho bãi hậu cần xuất nhập khẩu phục vụ cho Cảng

Tiên Sa với ngành nghề chủ đạo là dịch vụ logistics. Mong muốn của Công ty là nhượng bán một phần cổ phần công ty cho đối tác chiến lược để có thêm nguồn lực và thị trường mới, cũng như mối quan hệ mới, nhằm hỗ trợ công ty phát triển với quyết tâm đổi mới về mọi mặt để đến năm 2015 trở thành công ty logistics thực sự đủ sức cạnh tranh với các nhà kho vận trên địa bàn. Doanh thu về logistics sẽ đạt 70-80% doanh thu công ty. Cổ tức sẽ cao hơn lãi suất vay ngân hàng.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời
- + Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản: 3,598 %
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản: 2,679 %
- Tình hình tài chính trong năm không có biến động gì lớn.
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo (biên bản kiểm toán)
- Cổ phiếu phổ thông: Tổng số cổ phần : 2.995.160 , mệnh giá : 10,000 đồng/ cổ phần.
- Cổ tức đã chi: 1.105.513.048

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT : triệu đồng

| Chỉ tiêu | TH 2009 | KH 2010 | TH 2010 | % TH 2010 / TH 2009 | % TH 2010 / KH 2010 |
|-------------------------|------------|------------|---------|------------------------|------------------------|
| 1. Tổng doanh thu | 39,890 | 100,000 | 33,625 | 84,29 % | 33,625 % |
| Trong đó: | | | | | |
| DT thuần cung cấp DV | 38,838 | 100,000 | 32,534 | 83,77 % | 32,534 % |
| Doanh thu HĐTC | 289 | | 457 | | |
| Thu nhập khác | 763 | | 634 | | |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | 1,613 | 4,000 | 1,400 | 86,79 % | 35 % |
| 3. Lợi nhuận sau thuế | 1,210 | 3,000 | 1,043 | 86,19 % | 34,77 % |

| | | | | | |
|-----------------------|-------|-------|-------|----------|----------|
| 4. Lao động bình quân | 79 | 110 | 115 | 145,57 % | 104,55 % |
| 5. Quỹ lương | 2,683 | 2,178 | 2,847 | 106,11 % | 130,72 % |
| 6. Nộp NSNN | 0,496 | | 0,783 | 157,86 % | |

*** Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2010 của công ty.**

- Nguyên nhân khách quan:

+ Thứ nhất, Kế hoạch SXKD của công ty năm 2010 không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận (DT :100 tỷ & LN :4 tỷ) là do có sự thay đổi đột ngột về chính sách của nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản cũng như về sự tác động ảnh hưởng của suy thoái kinh tế tài chính làm chậm tiến độ triển khai dự án trong nước , cụ thể việc chính phủ cấm & tạm dừng tất cả các dự án nạo vét khai thông luồng lạch ở các cảng biển và cửa biển giáp sông trong việc tận thu cát nhiễm mặn để xuất khẩu, trong khi đó công ty đã thiết kế xây dựng thị trường này với doanh thu trên 70 tỷ và lợi nhuận trên 3,5 tỷ.

+ Thứ hai, liên tục trong các năm 2007, 2008, 2009 thế giới lâm vào suy thoái khủng hoảng, Việt Nam không tránh khỏi ảnh hưởng chi phí đầu vào liên tục biến động tăng, thị trường cạnh tranh khốc liệt, lãi suất Ngân hàng tăng cao ... Tất cả các yếu tố trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD về doanh thu & lợi nhuận của công ty.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nguyên nhân đầu tiên là trong công tác xây dựng kế hoạch và thẩm định thị trường còn chủ quan chưa thấy hết được các yếu tố biến động bất thường ở tầm vĩ mô, chưa xây dựng kế hoạch dự phòng ..., đây là một bài học kinh nghiệm trong công tác thiết kế xây dựng thị trường, thẩm định thị trường để xác lập và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách có cơ sở khoa học, có tính khả thi cao và bền vững.

+ Nguyên nhân thứ hai là nguồn lực: Bộ máy nhân sự của các phòng ban hoạt động chưa đều tay, cơ sở vật chất và PTTB chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nguồn tài chính của Công ty còn khó khăn nhất là nguồn vốn lưu động...

3. Kế hoạch năm 2011

3.1 Chỉ tiêu, kế hoạch năm 2011:

Dvt: đồng

| STT | CHỈ TIÊU | NĂM 2011 |
|-----|---------------------------------|----------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 30.000.000.000 |
| 2 | Doanh thu | 50.000.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 1.800.000.000 |
| 4 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 450.000.000 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 1.350.000.000 |
| a | Quỹ dự phòng tài chính 5% | 67.500.000 |
| b | Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% | 135.000.000 |
| c | Lợi nhuận chưa phân phối | 1.147.500.000 |
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /VĐL | 4.5% |
| 7 | Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ | 3.71% |

**Ghi chú: Năm 2011 trở đi Công ty phải nộp phí tiền thuê đất: 570.000.000đ/năm*

3.2 Các giải pháp tổ chức thực hiện:

Để thực hiện được các mục tiêu đề ra trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, Công ty phải thực hiện một số giải pháp sau:

- **Tăng cường công tác quản trị điều hành** : Công ty từng bước sắp xếp bố trí cán bộ, nhân sự ở các bộ phận phòng ban cho hợp lý nhằm phát huy hết hiệu quả và năng lực ở mỗi cá nhân, mỗi bộ phận đơn vị. Mô hình tổ chức bộ máy cũng cần được điều chỉnh cho thích ứng phù hợp với yêu cầu công việc và nhiệm vụ được phân công. Công tác quản trị điều hành theo hướng tiên tiến và khoa học.

- **Công tác mở rộng thị trường làm nền tảng cho sự phát triển**: Thị trường của công ty được xác định không phải chỉ trong khu vực mà là trong cả nước, không chỉ ở trong nước mà còn cả ở nước ngoài với đủ tất cả ngành nghề kinh doanh đã được cấp phép theo định hướng Logistics. Ngoài nguồn lực đầu tư, nguồn lực con người, nguồn vốn...thì thị trường là nhân tố quyết định sự tồn vong và tăng trưởng của Công ty. Để làm tốt công tác thị trường cần phải chú trọng công tác quảng bá tiếp thị thương hiệu, hình ảnh Công ty thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau, nhưng đặc biệt vẫn là công tác chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ.

- **Dự kiến thị trường và cơ cấu doanh thu năm 2011**

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận năm 2011

| Mặt hàng | Sản lượng | Doanh thu | Lợi nhuận | Ghi chú |
|-------------------------|-----------------------|------------------|------------------|------------------------|
| 1. Cát vàng nội địa | 12.000 m ³ | 0,960 tỷ | 0,030 tỷ | 80.000đ/m ³ |
| 2. Bốc xếp- lưu kho bãi | 400.000 tấn | 9,345 tỷ | 0,914 tỷ | |
| 3. Trung chuyển | 250.000 tấn | 2,250 tỷ | 0,050 tỷ | 9.000đ/tấn |
| 4. Xăng dầu | 150.000 lít | 2,495 tỷ | | 16.636 đ/l |
| 5. Vận chuyển | 86.271 tấn | 25,450 tỷ | 0,636 tỷ | 295.000đ/tấn |
| 6. Thương mại+logistics | | 7,000 tỷ | 0,100 tỷ | |
| 7. Kinh doanh khác | 1.000 tiêu | 2,500 tỷ | 0,070 tỷ | 2.500.000đ/tiêu |
| Tổng | | 50,000 tỷ | 1,800 tỷ | |

- Dự kiến về huy động nguồn vốn kinh doanh lưu động

Để thực hiện các thị trường kinh doanh thương mại của năm 2011 đã đề ra, cũng như để đảm bảo góp vốn tỷ lệ từ 25% - 30% trong nguồn vốn vay đầu tư của kế hoạch đầu tư phương tiện thiết bị thì nguồn vốn vay lưu động của Công ty trong năm 2010 dự tính huy động : 3 tỷ đồng.

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán (Bản tóm tắt kèm theo).

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam – CN Đà Nẵng.

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Trích : “Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.” (KTV Hồ Nguyễn Uyên Thảo, chứng chỉ số :1758/KTV)

VI. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của Công ty: Hiện tại Công ty có:

+ 38 CBCNV phục vụ và gián tiếp được chia thành 5 phòng ban

* Ban Giám đốc : Giám đốc và Phó giám đốc

* 04 Phòng : Phòng Tổ chức Hành chính - Tiền lương; Phòng Kế toán - Thống kê; Phòng Kinh doanh; Phòng Khai thác - Kỹ thuật vật tư.

* 01 Ban : Ban logistics.

+ 04 tổ công nhân hợp đồng gồm 60 người.

+ 12 lái xe Hợp đồng thời vụ và 5 lái xe cơ giới.

VII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

+ 01 Chủ tịch HĐQT

+ 02 uỷ viên HĐQT

- Ban kiểm soát:

+ 01 Trưởng ban KS

+ 01 Uỷ viên ban KS

- Hoạt động của HĐQT: Các thành viên HĐQT hoạt động theo phương thức tập trung và thông qua các vấn đề được công khai tại các kỳ họp. Cụ thể, năm 2010, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp thường kỳ và trực tiếp trao đổi để kịp thời thông qua các vấn đề của Công ty...Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Kiểm soát và làm việc trực tiếp với đoàn kiểm toán năm 2010 và kiểm tra báo cáo tài chính năm 2010.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2010 như sau:

- + Chủ tịch HĐQT hưởng thù lao 2 tr.đ/tháng.
- + Các thành viên HĐQT hưởng thù lao 1,5 tr.đ/tháng.
- + Trưởng ban KS: 1,5 tr.đ/tháng, thành viên BKS 0,5 tr.đ/ tháng.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông trong nước : Tổng 501 cổ đông trong đó (01 pháp nhân + 500 cá nhân)

- Vốn điều lệ theo GCNĐKKD : 30.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực có : 29.951.600.000 đồng, tương ứng 2.995.160 cổ phần.
- Cổ đông sáng lập: 2.643.300 cổ phần , chiếm 88,11 % . (01 pháp nhân)
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết: 351.860 cổ phần, chiếm 11,73%. (500 cổ đông cá nhân)
- Cổ phần chưa phát hành : 4.840 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,16 % .

2.2. Cổ đông ngoài nước : không

Giám đốc

NGÔ VIỆT HÀ

MẪU CBTT-02*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ**Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Tên công ty: DANALOG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**NĂM 2010****I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**Đơn vị tính: VND*

| TÀI SẢN | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| I. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 7,786,755,842 | 5,713,867,774 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4,099,064,819 | 2,152,122,677 |
| 2. Các khoản phải thu ngắn hạn | 1,797,674,133 | 2,616,447,388 |
| 3. Hàng tồn kho | 1,228,182,471 | 178,977,377 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 661,834,419 | 766,320,332 |
| II. TÀI SẢN DÀI HẠN | 31,123,768,959 | 34,145,064,767 |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn | 32,000,000 | - |
| 2. Tài sản cố định | 31,091,768,959 | 34,145,064,767 |
| a. Tài sản cố định hữu hình | 30,533,505,629 | 31,640,302,863 |
| b. Tài sản cố định vô hình | | |
| c. Tài sản cố định thuê tài chính | 558,263,330 | - |
| d. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | 2,504,761,904 |
| III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 38,910,524,801 | 39,858,932,541 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 7,937,830,555 | 9,053,799,909 |
| I. Nợ ngắn hạn | 3,024,855,555 | 2,498,924,909 |
| II. Nợ dài hạn | 4,912,975,000 | 6,554,875,000 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 30,972,694,246 | 30,805,132,632 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 30,972,694,246 | 30,805,132,632 |

| | | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 29,951,600,000 | 29,626,629,120 |
| 2. Quỹ dự phòng tài chính | 113,010,213 | 60,500,176 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 908,084,033 | 1,118,003,336 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 38,910,524,801 | 39,858,932,541 |

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VNĐ

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2009 |
|-----------|--|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và dịch vụ | 33.378.147.498 | 37.837.553.527 |
| 2 | Các khoản giảm trừ | 844.146.309 | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ | 32.534.001.189 | 37.837.553.527 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 21.276.870.536 | 30.447.333.499 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 11.257.130.653 | 7.390.220.028 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 456.673.416 | 288.926.756 |
| 7 | Chi phí tài chính | 732.833.632 | 92.649.150 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 4.587.328.162 | 2.478.161.389 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5.037.076.031 | 4.023.581.909 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 1.356.566.244 | 1.084.754.336 |
| 11 | Thu nhập khác | 634.168.089 | 763.239.219 |
| 12 | Chi phí khác | 590.466.683 | 234.655.539 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 43.701.406 | 528.583.680 |
| 14 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.400.267.650 | 1.613.338.016 |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 357.653.831 | 403.334.504 |
| 16 | Lợi nhuận sau thuế | 1.042.613.819 | 1.210.003.512 |

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2010 | Năm 2009 |
|-----|---|-------------|----------------------------|----------------------------|
| 1 | Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 79,99 % 20,01 % | 85,66 % 14,34 % |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | % | 20,40 % 79,60 % | 22,41 % 77,59 % |
| 3 | Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 2,17 2,57 | 2,33 2,4 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu | % | 2,68 % 3,20 % 3,37 % | 3,04 % 3,20 % 3,93 % |

(Nguồn : Báo cáo kiểm toán các năm 2009, 2010)